

CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Ban hành kèm theo Quyết định số 557-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 08/09/2025 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

1. Thông tin chung

[1]	Tên chương trình:	Cử nhân Kinh doanh quốc tế
[2]	Trình độ đào tạo:	Đại học
[3]	Ngành đào tạo:	KINH DOANH QUỐC TẾ
[4]	Chuyên ngành đào tạo:	Kinh doanh quốc tế
[5]	Mã ngành đào tạo:	[7340120]
[6]	Loại hình đào tạo:	Chính quy tập trung
[7]	Khóa học:	2025 - 2029
[8]	Tên Khoa:	Khoa Quản trị Kinh doanh
[9]	Trường cấp bằng:	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn
[10]	Cơ sở tổ chức giảng dạy:	Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn

2. Mục tiêu đào tạo

[1] Mục tiêu chung:

Đào tạo cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế có phẩm chất chính trị, đạo đức nghề nghiệp và ý thức cộng đồng; có sức khỏe tốt; có đủ năng lực về kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp đạt chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, để có thể làm việc hiệu quả trong lĩnh vực kinh doanh cho các doanh nghiệp (sản xuất và dịch vụ) trong và ngoài nước, cơ quan quản lý nhà nước, đáp ứng được yêu cầu của xã hội trong bối cảnh môi trường nhiều biến động

[2] Mục tiêu cụ thể

- + PO.01: Cung cấp kiến thức về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế - xã hội và nền tảng chuyên môn theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo, đáp ứng khung trình độ quốc gia.
- + PO.02: Trang bị kỹ năng ngoại ngữ, tin học và kỹ năng mềm, giúp người học ứng dụng hiệu quả trong công việc.
- + PO.03: Cung cấp kiến thức nền tảng và chuyên sâu về kinh doanh quốc tế, giúp giải quyết vấn đề thực tiễn và thích ứng với môi trường kinh doanh biến động.
- + PO.04: Bồi dưỡng ý thức trách nhiệm, đạo đức nghề nghiệp và tinh thần bảo vệ lợi ích khách hàng, quốc gia.
- + PO.05: Người học có khả năng tự học và học tập suốt đời để không ngừng nâng cao trình độ và phát triển bản thân.

[3] Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (CĐR CTĐT):

3.1. Kiến thức

- + CĐR.A01: Phân tích và giải thích các kiến thức cơ bản về lý luận chính trị, kinh tế - xã hội, luật pháp và nền tảng kinh doanh quốc tế.
- + CĐR.A02: Đánh giá các hoạt động kinh doanh, tài chính, marketing, sản xuất và nhân lực để nhận diện và dự báo các thay đổi trong môi trường kinh doanh quốc tế.

- + CDR.A03: Vận dụng kiến thức liên quan để tổ chức, điều hành sản xuất, quản lý nhân lực, tiếp thị sản phẩm, tài chính – kế toán và giải quyết tình huống kinh doanh thực tế.
- + CDR.A04: Ứng dụng chuyên sâu các nguyên lý quản trị kinh doanh, marketing, tài chính, logistics để xây dựng chiến lược, lập kế hoạch kinh doanh và đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

3.2. Kỹ năng

- + CDR.B01: Sử dụng thành thạo kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, đàm phán, làm việc nhóm để tư duy phản biện, giải quyết vấn đề và thích ứng với môi trường kinh doanh quốc tế.
- + CDR.B02: Giao tiếp và làm việc hiệu quả bằng tiếng Anh trong học tập, nghiên cứu và thực hành nghề nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, đạt tối thiểu bậc 3/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc của Việt Nam (tương đương B1 theo CEFR)
- + CDR.B03: Ứng dụng công nghệ thông tin và kỹ năng mềm để phân tích, xử lý dữ liệu và ra quyết định trong hoạt động kinh doanh.

3.3. Mức độ tự chủ và trách nhiệm

- + CDR.C01: Thể hiện tác phong làm việc chuyên nghiệp, kỷ luật, tự tin, sáng tạo; chịu trách nhiệm với cá nhân, tổ chức và cộng đồng; tuân thủ đạo đức nghề nghiệp và pháp luật.
- + CDR.C02: Thể hiện tinh thần hợp tác, thân thiện với đồng nghiệp và đối tác trong môi trường làm việc.

[4] Vị trí việc làm sau tốt nghiệp

Người tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế tại Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn theo định hướng ứng dụng có thể đảm nhận nhiều vị trí chuyên viên trong doanh nghiệp, tập đoàn đa quốc gia, tổ chức xuất nhập khẩu, logistics và thương mại quốc tế. Với nền tảng kiến thức thực tiễn và kỹ năng nghề nghiệp vững vàng, họ có thể bắt đầu ở các vị trí chuyên viên và phát triển lên các cấp bậc cao hơn.

- + Trong lĩnh vực kinh doanh và phát triển thị trường quốc tế, người tốt nghiệp có thể đảm nhận vai trò chuyên viên kinh doanh quốc tế, chuyên viên xuất nhập khẩu, chuyên viên mua hàng quốc tế hoặc chuyên viên phát triển thị trường quốc tế. Công việc này liên quan đến tìm kiếm khách hàng, đàm phán hợp đồng, quản lý đơn hàng và mở rộng thị trường cho doanh nghiệp trong môi trường toàn cầu.
- + Đối với lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng, họ có thể làm việc ở vị trí chuyên viên chứng từ xuất nhập khẩu, chuyên viên khai báo hải quan, chuyên viên điều phối vận tải quốc tế hoặc chuyên viên quản lý kho vận và chuỗi cung ứng. Những công việc này đòi hỏi khả năng xử lý hồ sơ hải quan, sắp xếp vận chuyển hàng hóa và tối ưu hóa chuỗi cung ứng để đảm bảo hoạt động kinh doanh hiệu quả.
- + Trong mảng tài chính – thanh toán quốc tế, người tốt nghiệp có thể làm việc với vai trò chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên tín dụng xuất nhập khẩu hoặc chuyên viên kế toán xuất nhập khẩu. Công việc này liên quan đến xử lý các giao dịch tài chính quốc tế, đảm bảo thanh toán an toàn và hiệu quả, cũng như kiểm soát chi phí trong hoạt động thương mại toàn cầu.
- + Lĩnh vực marketing và thương mại điện tử quốc tế cũng mang đến nhiều cơ hội với vị trí như chuyên viên marketing quốc tế, chuyên viên kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, chuyên viên phân tích thị trường quốc tế. Họ có thể tham gia xây dựng chiến lược tiếp thị, tối ưu hóa quảng bá sản phẩm trên các nền tảng số và phân tích hành vi tiêu dùng trên thị trường quốc tế.
- + Ngoài ra, người tốt nghiệp cũng có thể theo đuổi các vị trí trong tư vấn và hỗ trợ kinh doanh quốc tế, chẳng hạn như chuyên viên tư vấn thương mại quốc tế, chuyên viên pháp lý xuất nhập khẩu, chuyên viên quan hệ đối tác quốc tế. Những vai trò này yêu cầu sự hiểu biết sâu về luật thương mại quốc tế, chính sách thuế quan và đàm phán hợp tác với đối tác toàn cầu.

- + Với nền tảng kiến thức thực tiễn và khả năng ứng dụng, người tốt nghiệp có thể tự kinh doanh hoặc khởi nghiệp trong lĩnh vực xuất nhập khẩu, logistics, thương mại điện tử hoặc quản lý doanh nghiệp kinh doanh quốc tế. Họ có thể phát triển sự nghiệp một cách chủ động, từ việc vận hành cửa hàng kinh doanh hàng nhập khẩu đến mở rộng hoạt động trên các nền tảng thương mại điện tử quốc tế.

[5] **Hướng phát triển sự nghiệp của người tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế.**

Người tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế có thể lựa chọn nhiều hướng phát triển sự nghiệp phù hợp với năng lực, sở thích và nhu cầu thị trường. Dưới đây là một số hướng đi phổ biến với mức độ chuyên viên và quản lý cấp trung trong doanh nghiệp và tổ chức liên quan đến thương mại quốc tế.

- + **Làm việc trong doanh nghiệp xuất nhập khẩu và thương mại quốc tế:** Người tốt nghiệp có thể bắt đầu với các vị trí như chuyên viên kinh doanh quốc tế, chuyên viên xuất nhập khẩu, chuyên viên mua hàng quốc tế hoặc chuyên viên chăm sóc khách hàng quốc tế. Sau một thời gian tích lũy kinh nghiệm, họ có thể thăng tiến lên vị trí quản lý xuất nhập khẩu, quản lý kinh doanh quốc tế hoặc trưởng phòng phát triển thị trường tại các công ty xuất nhập khẩu và doanh nghiệp có hoạt động kinh doanh toàn cầu.
- + **Làm việc trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng:** Với nền tảng về kinh doanh quốc tế, người tốt nghiệp có thể đảm nhận vai trò chuyên viên logistics, chuyên viên điều phối vận tải quốc tế, chuyên viên kho vận hoặc chuyên viên khai báo hải quan. Khi có kinh nghiệm, họ có thể phát triển lên các vị trí quản lý chuỗi cung ứng, giám sát vận hành logistics tại công ty vận tải, logistics và doanh nghiệp có hoạt động thương mại quốc tế.
- + **Làm việc trong lĩnh vực tài chính – thanh toán quốc tế:** Những người có kỹ năng về tài chính có thể lựa chọn công việc chuyên viên thanh toán quốc tế, chuyên viên tín dụng xuất nhập khẩu, chuyên viên kế toán xuất nhập khẩu. Khi tích lũy kinh nghiệm, họ có thể phát triển lên các vị trí quản lý tài chính xuất nhập khẩu, giám sát thanh toán quốc tế tại ngân hàng, công ty tài chính hoặc phòng kế toán của doanh nghiệp xuất nhập khẩu.
- + **Làm việc trong lĩnh vực marketing và thương mại điện tử quốc tế:** Với sự phát triển của thương mại điện tử, người tốt nghiệp có thể đảm nhận các vị trí như chuyên viên marketing quốc tế, chuyên viên kinh doanh trên sàn thương mại điện tử, chuyên viên phân tích thị trường quốc tế. Sau khi có kinh nghiệm, họ có thể phát triển lên quản lý marketing quốc tế, trưởng nhóm kinh doanh thương mại điện tử, phụ trách hoạt động tiếp thị và bán hàng trên các nền tảng như Amazon, Alibaba, Shopee Global...
- + **Làm việc trong lĩnh vực tư vấn và hỗ trợ kinh doanh quốc tế:** Những người có kiến thức về luật và quan hệ thương mại có thể làm việc với vai trò chuyên viên tư vấn thương mại quốc tế, chuyên viên pháp lý xuất nhập khẩu, chuyên viên quan hệ đối tác quốc tế. Khi có đủ kinh nghiệm, họ có thể đảm nhận vai trò quản lý tư vấn kinh doanh quốc tế, giám sát quan hệ đối tác, hỗ trợ doanh nghiệp trong các vấn đề pháp lý, hợp tác quốc tế và mở rộng thị trường.
- + **Khởi nghiệp hoặc tự kinh doanh:** Những người có tư duy kinh doanh có thể tự mở công ty xuất nhập khẩu, doanh nghiệp logistics nhỏ, cửa hàng kinh doanh hàng nhập khẩu hoặc phát triển sự nghiệp trên các nền tảng thương mại điện tử. Họ có thể bắt đầu với quy mô nhỏ như bán hàng trên các nền tảng thương mại điện tử, sau đó mở rộng sang các mô hình kinh doanh lớn hơn khi có kinh nghiệm và vốn đầu tư.

Với nền tảng kiến thức thực tiễn và khả năng ứng dụng cao, người tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế có thể nhanh chóng hòa nhập vào thị trường lao động, phát triển sự nghiệp theo định hướng phù hợp và có cơ hội thăng tiến trong tương lai.

3. Thời gian đào tạo:

- [1] Khóa học là thời gian thiết kế để sinh viên hoàn thành một CTĐT; hay còn gọi là thời gian đào tạo chính khóa.
- [2] Thời gian tối đa hoàn thành CTĐT bao gồm: Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài. Sinh viên không hoàn thành CTĐT và đã vượt quá thời gian tối đa được phép học tại Trường sẽ bị buộc thôi học. Trong một số trường hợp đặc biệt vượt quá thời gian tối đa hoàn thành chương trình đào tạo theo quy định tại khoản này, Hiệu trưởng có thể xem xét và quyết định gia hạn cho sinh viên; tuy nhiên, tổng thời gian hoàn thành chương trình không được vượt quá gấp đôi thời gian đào tạo chính khóa theo kế hoạch.
- [3] Thời gian đào tạo chính khóa và thời gian được phép kéo dài để sinh viên hoàn thành CTĐT được quy định theo từng bậc học. Cụ thể như sau:
- | | | |
|---------|------------------------------|-------------------|
| Bậc học | Thời gian đào tạo chính khóa | Thời gian kéo dài |
| Đại học | 3,5 năm (07 học kỳ kế hoạch) | 2,0 năm |

4. Cấu tạo và tổ chức của chương trình:

- [1] **Khối lượng kiến thức toàn khóa: 125 tín chỉ**

- [2] **Cấu tạo và tổ chức của chương trình:**

- + Kiến thức giáo dục chuyên biệt: Môn học cấp chứng chỉ, hay cấp chứng nhận; không tính số tín chỉ trong chương trình đào tạo.
 - Giáo dục thể chất;
 - Giáo dục Quốc phòng - An ninh.
- + Kiến thức giáo dục đại cương:
 - Kiến thức toán, khoa học tự nhiên, công nghệ thông tin;
 - Kiến thức khoa học xã hội, chính trị, pháp luật, ngoại ngữ.
- + Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp:
 - Kiến thức cơ sở ngành (của khối ngành, nhóm ngành, và ngành);
 - Kiến thức chuyên ngành;
 - Kiến thức bổ trợ (nếu có)
 - Thực tập tốt nghiệp, đồ án/khóa luận/bài thi tốt nghiệp.
- + Nhóm môn tự chọn (danh sách môn học tự chọn, liệt kê các môn học mà sinh viên phải chọn lựa): Môn học tự chọn có thể thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương; hoặc giáo dục chuyên nghiệp.
- + Nhóm các môn học trong chương trình:
 - Các môn học lý thuyết;
 - Các môn học lý thuyết có bài tập, thí nghiệm, thực hành;
 - Các môn học thí nghiệm, thực hành, thực tập tại phòng thí nghiệm, phòng thực hành và xưởng thực tập;
 - Các môn học có đi thực tập và có làm bài tập lớn;
 - Thực tập tại cơ sở ngoài trường và Thực tập tốt nghiệp;
 - Các môn học tự chọn và môn học bắt buộc;
 - Môn học Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh (môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận).

- [3] **Phân bố các khối kiến thức trong chương trình đào tạo (CTĐT):**

Khối kiến thức	Tổng số tín chỉ		Phân bố số tiết trong khối kiến thức, % lý thuyết - thực hành						
			Tổng số		Lý thuyết		Thực hành		Tự học
	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	
Môn học cấp chứng chỉ, chứng nhận	0		300		90	30.00	210	70.00	375
Kiến thức Giáo dục chuyên biệt	0		300		90	30.00	210	70.00	375
– [0] Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0		165		90	54.55	75	45.45	240
– [0] Giáo dục Thể chất	0		135		0	00.00	135	100.00	135
Môn học trong chương trình đào tạo	125	100.00	2265	100.00	1140	50.33	1125	49.67	3525
Kiến thức Giáo dục đại cương	31	24.80	525	23.18	330	62.86	195	37.14	870
– [1] Khoa học tự nhiên	9	07.20	135	05.96	75	55.56	60	44.44	270
– [2] Khoa học xã hội	22	17.60	390	17.22	255	65.38	135	34.62	600
Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp	85	68.00	1335	58.94	810	60.67	525	39.33	2520
– [3] Cơ sở ngành	33	26.40	495	21.85	315	63.64	180	36.36	990
– [4] Ngành	33	26.40	495	21.85	330	66.67	165	33.33	990
– [4] Chuyên ngành	19	15.20	345	15.23	165	47.83	180	52.17	540
Bài thi tốt nghiệp	9	07.20	405	17.88	0	00.00	405	100.00	135
– [5.1] Thực tập tốt nghiệp	3	02.40	135	05.96	0	00.00	135	100.00	45
– [5.2] Đồ án, khóa luận, thi tốt nghiệp	6	04.80	270	11.92	0	00.00	270	100.00	90

5. Đối tượng tuyển sinh:

[1] Cấp bằng tốt nghiệp đại học thứ nhất:

Học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông (hoặc tương đương) và qua kỳ thi tuyển hoặc xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

[2] Đào tạo văn bằng hai:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân, kỹ sư các ngành trình độ đại học và phải qua kỳ xét tuyển đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Khoa học và Đào tạo của Khoa phối hợp cùng Phòng Đào tạo xem xét bảng điểm toàn khóa của thí sinh, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp Văn bằng 2 ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học.

[3] Đào tạo liên thông đại học từ cao đẳng:

Người học đã tốt nghiệp cử nhân ngành Kinh doanh quốc tế (hoặc ngành gần) trình độ cao đẳng và qua kỳ thi tuyển sinh đầu vào của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

Trong quá trình tiếp nhận hồ sơ, Hội đồng Đào tạo Liên thông đại học của Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn và của Khoa tổ chức xét duyệt bảng điểm toàn khóa của thí sinh trong quá trình học cao đẳng, xét tương đương miễn học một số môn trong CTĐT, thông báo việc học bổ sung kiến thức còn khuyết. Người học hoàn tất CTĐT sẽ được cấp bằng tốt nghiệp ngành Kinh doanh quốc tế trình độ đại học.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- [1] Quy trình đào tạo được thiết kế theo đào tạo tín chỉ, lấy môn học với các học phần làm cơ sở tích lũy kiến thức và tích lũy đủ số tín chỉ của ngành. Sinh viên tự đăng ký môn học và thời khóa biểu theo sự tư vấn của cố vấn học tập.
- [2] Các môn học được bố trí theo học kỳ, năm học và khóa học. Mỗi năm có 02 học kỳ chính, gồm 15 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập (bao gồm cả kiểm tra giữa kỳ); 02 - 03 tuần dành cho việc thi, kiểm tra đánh giá kết quả môn học. Ngoài học kỳ chính, còn có thể tổ chức học kỳ phụ (còn gọi là học kỳ hè). Học kỳ hè có 02 - 04 tuần dành cho việc giảng dạy và học tập, 01 tuần cho việc đánh giá tập trung.
- [3] Quy định khi đăng ký môn học và số tín chỉ đăng ký trong mỗi học kỳ được quy định tại Điều 13, Chương 2 Tổ chức đào tạo, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.
- + Quy định về khối lượng học tập tối thiểu của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - 14 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên được xếp hạng học lực bình thường.
 - 10 tín chỉ cho mỗi học kỳ, trừ học kỳ cuối khóa học, đối với những sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu.
 - Không quy định khối lượng học tập tối thiểu đối với sinh viên ở học kỳ phụ.
 - + Quy định về khối lượng học tập tối đa của một sinh viên đăng ký trong học kỳ:
 - Sinh viên đang trong thời gian bị xếp hạng học lực yếu chỉ được đăng ký khối lượng học tập không quá 18 tín chỉ cho mỗi học kỳ. Nếu sinh viên có nhu cầu đăng ký nhiều hơn số tín chỉ quy định, sinh viên phải làm đơn gởi cố vấn học tập xin ý kiến và chuyển đơn đến Phòng Đào tạo xem xét giải quyết tiếp. Sinh viên nhận kết quả trả lời đơn tại Phòng Đào tạo.
 - Không hạn chế khối lượng đăng ký học tập của sinh viên xếp hạng học lực bình thường.
 - Đối với học kỳ phụ (học kỳ hè), sinh viên không được đăng ký nhiều hơn 12 tín chỉ/đợt học.
- [4] Một giờ tín chỉ được tính bằng 50 phút học tập; sau đây gọi chung là TIẾT.
- + Tín chỉ được quy định bằng:
 - 15 giờ học lý thuyết + 30 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 30 giờ thực tập/thực hành/thí nghiệm/thảo luận + 15 giờ tự học, chuẩn bị cá nhân có hướng dẫn;
 - 45 giờ thực tập tại cơ sở/thực tập tốt nghiệp;
 - 45 giờ làm tiểu luận/bài tập lớn/đồ án;
 - 45 giờ làm đồ án tốt nghiệp/khóa luận tốt nghiệp/luận văn tốt nghiệp/luận án tốt nghiệp/bài thi tốt nghiệp.
 - Số tín chỉ của mỗi môn học phải là một số nguyên.
- [5] Điều kiện tốt nghiệp:
- + Sinh viên đạt yêu cầu theo Điều 33, Chương 5 Xét và công nhận tốt nghiệp cuối khóa, Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ, ban hành kèm theo Quyết định số 527-25/QĐ-DSG-ĐT ngày 03/09/2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Công nghệ Sài Gòn.

7. Thang điểm đánh giá:

- [1] Yêu cầu chung của môn học theo quy chế:
- + Sinh viên tham dự lớp học đầy đủ, tham gia thảo luận xây dựng bài trên lớp và chuẩn bị bài tập kỹ năng ở nhà để tự củng cố kiến thức cho bản thân;
 - + Sinh viên nghiêm túc thực hiện các yêu cầu của giảng viên đối với môn học;

- + Sinh viên nghiêm túc thực hiện bài kiểm tra giữa kỳ và bài thi kết thúc môn học;
- + Sinh viên vi phạm quy chế thi sẽ bị xử lý theo quy định.

[2] Để hoàn tất môn học, sinh viên phải “đạt”:

- + Điểm tổng kết môn học $\geq 5,0$ (năm) điểm theo thang điểm 10,0 (mười);
- + Điểm được quy đổi về thang điểm chữ và thang điểm 4,0 trong bảng điểm tổng kết;
- + Thực hiện đầy đủ yêu cầu đánh giá môn học theo trọng số (%) của điểm thành phần như sau:

Điểm thành phần	Thang điểm 10	Trọng số	Điều kiện
Điểm quá trình	a	x%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm kiểm tra giữa kỳ	b	y%	$x + y + z = 100\%$; $x + y \leq 50\%$
Điểm thi cuối kỳ	c	z%	$x + y + z = 100\%$; $z \geq 50\%$
Điểm tổng kết môn học	$a * x\% + b * y\% + c * z\%$		

8. Nội dung chương trình

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
			Kiến thức giáo dục chuyên biệt		/	300	90	210	375
			Giao dục Quốc phòng - An ninh		/	165	90	75	240
1	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	0[6.3.16]	/	165	90	75	240
			Giao dục Thể chất		/	135	0	135	135
2	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
3	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
4	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	0[0.2.3]	/	45	0	45	45
			Kiến thức giáo dục đại cương		31	525	330	195	870
			Nhóm môn Khoa học tự nhiên		9	135	75	60	270
5	HK1	BA13901	Toán ứng dụng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK2	BA19009	Thống kê trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
7	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
			Nhóm môn Khoa học xã hội		22	390	255	135	600
8	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
9	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
10	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
11	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	2[1.1.3]	2	45	15	30	45
12	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
13	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	3[3.0.6]	3	45	45	0	90
14	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
15	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
16	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
17	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2[2.0.4]	2	30	30	0	60
			Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		94	1740	810	930	2655
			Nhóm môn Cơ sở ngành		33	495	315	180	990

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức	Mô tả tin chỉ	Tin chỉ	Số tiết thực hiện			
			Tên môn học			Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
18	HK5	BA09048	Tiếng Anh chuyên ngành 1	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
19	HK6	BA09049	Tiếng Anh chuyên ngành 2	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
20	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
21	HK1	BA49001	Quản trị học	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
22	HK2	BA19002	Kinh tế vĩ mô	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
23	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
24	HK3	BA29001	Marketing căn bản	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
25	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
26	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
27	HK3	BA43018	Khởi nghiệp	3[1.2.6]	3	45	15	30	90
28	HK3	BA49004	Luật kinh tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn Ngành		33	495	330	165	990
29	HK5	BA09029	Sở hữu trí tuệ	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
30	HK4	BA09030	Marketing quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
31	HK4	BA09031	Quan hệ kinh tế quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
32	HK5	BA09034	Kinh doanh quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
33	HK6	BA09035	Tài chính và thanh toán quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
34	HK5	BA09036	Quản trị nguồn nhân lực	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
35	HK4	BA09038	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
36	HK4	BA09052	Môn học tự chọn 1_KDQT	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
37	HK5	BA09053	Môn học tự chọn 2_KDQT	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
38	HK5	BA49008	Hành vi tổ chức	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
39	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
			Nhóm môn Chuyên ngành		19	345	165	180	540
40	HK5	BA09040	Kiến tập chuyên ngành KDQT	2[0.2.2]	2	90	0	90	30
41	HK5	BA09044	Quản trị xuất nhập khẩu	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
42	HK6	BA09043	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
43	HK6	BA09045	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
44	HK6	BA09046	Quản trị đa văn hóa	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
45	HK6	BA09047	Quản trị chiến lược toàn cầu	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
46	HK6	BA09054	Môn học tự chọn 3_KDQT	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn Tốt nghiệp		9	405	0	405	135
47	HK7	BA03151	Thực tập tốt nghiệp	3[0.3.3]	3	135	0	135	45
48	HK7	BA03152	Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
			Nhóm môn tự chọn						
			Nhóm môn Chuyên ngành		24	360	225	135	720
1	HK4	BA39032	Định giá doanh nghiệp	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
2	HK4	BA09042	Nghị vụ hải quan	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Số	Học kỳ	MSMH	Khối kiến thức ----- Tên môn học	Mô tả tín chỉ	Tín chỉ	Số tiết thực hiện			
						Số tiết	Lý thuyết	Thực hành	Tự học
3	HK4	BA09041	Hệ thống thuế và bảo hiểm trong kinh doanh	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
4	HK5	BA09032	Lãnh đạo và quản trị sự thay đổi	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
5	HK5	BA09039	Pháp luật kinh doanh quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
6	HK5	BA23158	Marketing kỹ thuật số	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
7	HK6	BA39044	Công nghệ tài chính	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
8	HK6	BA09033	Phát triển nghề nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
9	HK6	BA09059	Mua bán, sát nhập doanh nghiệp	2[1.1.4]	2	30	15	15	60
			Nhóm môn Tốt nghiệp		12	360	60	300	270
10	HKN	BA03153	Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp	6[0.6.6]	6	270	0	270	90
11	HKN	BA09037	TT_BTTN_Quản trị dự án đầu tư quốc tế	3[2.1.6]	3	45	30	15	90
12	HKN	BA13159	TT_BTTN_Thương mại điện tử	3[2.1.6]	3	45	30	15	90

Ghi chú:

Sinh viên lựa chọn các môn học trong danh sách môn học tự chọn.

Nhóm môn học tự chọn bao gồm các môn học có tính liên kết theo cấp độ hoặc nội dung. Khi sinh viên đã chọn một môn học ở cấp độ cơ bản (hoặc phần 1) trong một nhóm nhất định, thì bắt buộc phải tiếp tục chọn môn học tiếp theo ở cấp độ cao hơn (hoặc phần 2) trong cùng nhóm. Nguyên tắc này áp dụng cho tất cả các nhóm môn học có tính kế thừa hoặc bắt buộc đi kèm.

Ví dụ: Nếu đã chọn Tiếng Hoa 1 là ngoại ngữ tự chọn 1, thì phải chọn Tiếng Hoa 2 là ngoại ngữ tự chọn 2; không được chuyển sang Tiếng Pháp 2 nếu chưa học Tiếng Pháp 1.

Nếu đã học Ngôn ngữ lập trình, thì phải chọn tiếp Thực hành Ngôn ngữ lập trình.

HK_TC: Danh sách môn học tự chọn cụ thể sẽ được thông báo trước khi đăng ký môn học.

Viết tắt trong bảng:

(1) Cột Học kỳ: HK – Học kỳ; HK_TC – Học kỳ tự chọn;

(2) Cột Tên môn học: TN – Thí nghiệm; TH- Thực hành;

9. Kế hoạch giảng dạy:

Xem chi tiết trong Phụ lục 1

10. Bảng đối sánh môn học và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 2

11. Sơ đồ biểu diễn mối liên hệ - tiến trình môn học trong chương trình đào tạo:

Xem chi tiết trong Phụ lục 3

12. Phương pháp giảng dạy

Phương pháp giảng dạy trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế được thiết kế theo định hướng ứng dụng, lấy người học làm trung tâm, nhằm phát triển năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn và phân tích, đánh giá các tình huống kinh doanh quốc tế trong bối cảnh hội nhập toàn cầu. Để đạt chuẩn đầu ra ở mức bậc 3–4 theo thang đo năng lực Bloom, chương trình áp dụng kết hợp linh hoạt giữa phương pháp giảng dạy truyền thống và hiện đại.

Phương pháp giảng dạy được triển khai đồng bộ với hệ thống đánh giá năng lực đầu ra, tập trung kiểm tra khả năng vận dụng (apply) mô hình – quy trình – công cụ, và phân tích – đánh giá (analyze)

– evaluate) các tình huống thực tiễn trong môi trường kinh doanh quốc tế phức tạp, đa văn hóa, khác biệt luật lệ.

[1] Thuyết giảng minh họa (Illustrated Lecture)

- + Phù hợp với học phần lý thuyết nền tảng (kinh tế học, quản trị, tài chính, marketing quốc tế...). Giảng viên sử dụng sơ đồ tư duy, mô hình khái niệm, ví dụ tình huống, bản đồ thương mại hoặc video thực tế để minh họa, giúp sinh viên hiểu cấu trúc kiến thức cơ bản và dễ dàng chuyển sang bước vận dụng.

[2] Dạy – học theo dự án (Project-Based Learning – PBL)

- + Sinh viên thực hiện các dự án nhóm mô phỏng các tình huống thực tế như lập kế hoạch xuất nhập khẩu, xây dựng chiến lược thâm nhập thị trường ASEAN, đánh giá rủi ro tài chính quốc tế... Giảng viên đóng vai trò cố vấn, hướng dẫn sinh viên thu thập dữ liệu, vận dụng mô hình chuyên ngành, phân tích và thuyết trình giải pháp – phù hợp với năng lực *apply* và *analyze* trong thang Bloom.

[3] Phương pháp tình huống (Case-Based Learning)

- + Sinh viên được phân tích các tình huống điển hình trong lĩnh vực logistics, đàm phán quốc tế, chuỗi cung ứng toàn cầu, marketing quốc tế, v.v. Phương pháp này giúp rèn luyện tư duy phản biện, khả năng đánh giá lựa chọn, giải thích bối cảnh và vận dụng mô hình ra quyết định.

[4] Mô phỏng (Simulation-based Learning)

- + Học phần ứng dụng công cụ mô phỏng thị trường quốc tế, mô phỏng xuất nhập khẩu, sandbox thương mại điện tử xuyên biên giới (Amazon, Alibaba, Shopee Global). Qua đó, sinh viên trải nghiệm môi trường kinh doanh quốc tế giả lập, thực hành ra quyết định và phân tích dữ liệu như trong thực tiễn.

[5] Học đảo chiều và học kết hợp (Flipped Classroom & Blended Learning)

- + Sinh viên chủ động học lý thuyết trước (video, bài đọc, e-learning), thời gian trên lớp dành cho thảo luận, giải case, thực hành phân tích báo cáo thương mại. LMS được sử dụng để giao bài, nộp bài, đánh giá thường xuyên và theo dõi tiến độ học tập.

[6] Học tập trải nghiệm thực tiễn (Experiential Learning)

- + Chương trình tổ chức kiến tập, thực tập tại doanh nghiệp xuất nhập khẩu, công ty logistics, ngân hàng thương mại hoặc tổ chức xúc tiến thương mại. Sinh viên quan sát, ghi nhận, phỏng vấn nhân sự và phản ánh qua báo cáo phân tích – là một phần không thể thiếu trong học kỳ cuối.

[7] Thực hành nghề nghiệp và bài tập mô phỏng nghiệp vụ

- + Các học phần như "Quản trị xuất nhập khẩu", "Thanh toán quốc tế", "Nghiệp vụ hải quan", "Thương mại điện tử" sử dụng phiếu bài tập tình huống, mẫu chứng từ, hóa đơn, hợp đồng để sinh viên luyện tập thao tác nghiệp vụ, phát triển kỹ năng thực hành nghề nghiệp.

13. Phương pháp kiểm tra đánh giá

Phương pháp kiểm tra – đánh giá trong chương trình đào tạo ngành Kinh doanh quốc tế được thiết kế theo định hướng ứng dụng và lấy người học làm trung tâm, nhằm phát triển và kiểm chứng năng lực vận dụng kiến thức vào thực tiễn, cũng như khả năng phân tích, đánh giá các tình huống trong môi trường kinh doanh toàn cầu. Hệ thống đánh giá được triển khai theo nguyên tắc đa dạng, linh hoạt, gắn với thực tiễn nghề nghiệp và bám sát chuẩn đầu ra ở bậc 3–4 theo thang đo Bloom (Apply – Analyze).

Hệ thống đánh giá được thiết kế theo định hướng ứng dụng sẽ giúp người học không chỉ “biết” mà còn “làm được”, đồng thời hình thành năng lực nghề nghiệp, thích ứng linh hoạt với các tình huống phức tạp trong môi trường kinh doanh quốc tế.

[1] Đánh giá quá trình (Formative Assessment)

- + Bài tập tình huống thực tiễn, bài tập ngắn, phiếu học tập nhóm: Sinh viên vận dụng mô hình, công thức, quy trình đã học để giải quyết các tình huống cụ thể như đàm phán hợp đồng, xử lý rủi ro thanh toán, lập kế hoạch logistics quốc tế... giúp đánh giá khả năng áp dụng kiến thức trong môi trường mô phỏng.
- + Thảo luận – phản biện – trình bày nhóm (group discussion/presentation): Được tổ chức trong lớp hoặc qua hệ thống LMS, nhằm đánh giá kỹ năng tư duy phản biện, lập luận logic, làm việc nhóm và trình bày giải pháp kinh doanh phù hợp với từng tình huống.
- + Nhật ký học tập, phản tư cá nhân (learning journal): Sinh viên ghi lại quá trình học và áp dụng lý thuyết vào phân tích dữ liệu thực tế hoặc tình huống tại doanh nghiệp, thể hiện năng lực phản tư và học tập tích cực.

[2] Đánh giá theo dự án (Project-Based Assessment)

- + Đồ án học phần / Báo cáo dự án nhóm: Áp dụng cho học phần như "Kinh doanh quốc tế", "Marketing quốc tế", "Quản trị chuỗi cung ứng", v.v. Sinh viên lập đề án kinh doanh, thiết kế chiến lược tiếp thị hoặc xây dựng kế hoạch xuất khẩu, được đánh giá theo rubric 5 tiêu chí: nội dung – vận dụng mô hình – phân tích dữ liệu – tính khả thi – kỹ năng trình bày.
- + Pitching và bảo vệ dự án: Sinh viên trình bày dự án trước giảng viên hoặc doanh nghiệp mô phỏng (client), trả lời câu hỏi phản biện. Hình thức này kiểm tra đồng thời năng lực vận dụng, phân tích và phản ứng linh hoạt trong tình huống nghề nghiệp.

[3] Đánh giá mô phỏng và thực hành (Simulation & Practice-Based Assessment)

- + Thực hành xử lý chứng từ ngoại thương, Incoterms, nghiệp vụ logistics – thanh toán quốc tế: Sinh viên thao tác thực hành trên mẫu chứng từ, biểu mẫu, hợp đồng, hóa đơn quốc tế... giúp đo lường năng lực thao tác nghề nghiệp ở mức áp dụng.
- + Mô phỏng thương mại điện tử, sàn TMĐT quốc tế, phần mềm logistics: Một số học phần tích hợp mô phỏng (sandbox Amazon, Alibaba, Meta Ads...) giúp sinh viên phân tích và ra quyết định kinh doanh trong môi trường ảo – sát thực tế.

[4] Đánh giá thực tập và học tập trải nghiệm (Workplace-Based Assessment)

- + Báo cáo thực tập có phân tích: Sinh viên nộp báo cáo có cấu trúc, trình bày cách vận dụng kiến thức, mô hình học thuật để phân tích hoạt động thực tế tại doanh nghiệp (quy trình xuất khẩu, xử lý rủi ro thanh toán, tối ưu chi phí logistics...).
- + Phản biện / trình bày báo cáo thực tập: Tổ chức theo hình thức hội đồng để đánh giá toàn diện từ chuyên môn đến kỹ năng trình bày và ứng xử chuyên nghiệp.

[5] Đánh giá tổng kết (Summative Assessment)

- + Thi viết (tự luận hoặc tình huống mở): Sinh viên được yêu cầu giải quyết bài toán thực tế hoặc phân tích tình huống – có thể kèm theo bảng số liệu, báo cáo thương mại – nhằm đo năng lực phân tích và lập luận logic theo chuẩn Bloom bậc 3–4.
- + Trắc nghiệm tình huống (scenario-based MCQ): Kiểm tra nhận thức và khả năng vận dụng nhanh các nguyên tắc thương mại quốc tế, nghiệp vụ, Incoterms, chính sách logistics – được sử dụng ở một số học phần nền tảng.

[6] Nguyên tắc tổ chức đánh giá

- + Kết hợp đánh giá giảng viên – sinh viên – doanh nghiệp: Đối với học phần thực tập, bảo vệ đồ án, trình bày dự án, điểm đánh giá đến từ nhiều bên nhằm bảo đảm tính khách quan, toàn diện.
- + Áp dụng thang đo và rubric theo Bloom bậc 3–4: Rubric đánh giá theo 4 mức độ (không đạt – đạt – khá – tốt) gắn với tiêu chí áp dụng công cụ, phân tích tình huống, giải quyết vấn đề, thuyết minh logic.
- + Tỷ lệ đánh giá tham khảo:
 - Đánh giá quá trình: 10–20%
 - Đánh giá dự án / sản phẩm học tập: 20–30%
 - Thực tập, mô phỏng, hoạt động ứng dụng: 10–20%
 - Thi kết thúc học phần (tổng kết): 30–50%

14. Hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo:

[2] Nội dung chương trình đào tạo gồm các phần:

- + Phần chung toàn trường:
 - Tất cả các ngành đều có một số môn học chung – đó là phần chung toàn trường, ví dụ như các môn Khoa học Chủ nghĩa Mác – Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh, Toán cao cấp, Vật lý, Ngoại ngữ, Tin học đại cương ... đây là những môn học bắt buộc đối với mọi sinh viên.
- + Phần chung của một số ngành:
 - Giữa một số ngành liên quan có thể có các môn học chung. Các môn học này có thể được tổ chức giảng dạy ngay từ đầu học kỳ thứ nhất, hoặc có môn được dạy vào cả học kỳ cuối cùng trong chương trình đào tạo.
 - Việc giảng dạy của một số môn học này có thể không thuộc Khoa quản lý ngành phụ trách, mà lại do một Khoa khác phụ trách.
- + Các môn học của ngành:
 - Các môn học của ngành được trình bày dưới dạng “tiến trình diễn biến” trong các chương trình đào tạo, tức bố trí dạy trước sau theo một thứ tự hợp lý.

[3] Phân loại môn học – ký hiệu phân loại môn học:

- + Môn học bắt buộc ----- Ký hiệu: [BB]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức chính yếu của mỗi chương trình và bắt buộc sinh viên phải tích lũy.
- + Môn học tự chọn ----- Ký hiệu: [TC]
 - Môn học chứa đựng những nội dung kiến thức cần thiết, nhưng sinh viên được tự chọn theo hướng dẫn của trường nhằm đa dạng hóa hướng chuyên môn hoặc được tự chọn tùy ý để tích lũy đủ số học phần quy định cho mỗi chương trình.
- + Môn học thay thế = Môn học tương đương ----- Ký hiệu: [TT/TD]
 - Môn học thuộc CTĐT của khóa – ngành đang được tổ chức giảng dạy tại Trường mà sinh viên được phép học, tích lũy để thay thế cho môn học khác trong CTĐT của ngành đào tạo. Khái niệm môn học thay thế được sử dụng khi môn học vốn có trong CTĐT nhưng nay không còn tổ chức giảng dạy (hoặc trong học kỳ đang xét không tổ chức giảng dạy) và được thay thế bằng môn học khác. Môn học thay thế sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất trong quá trình triển khai CTĐT trong thực tế.
 - Trong chương trình đào tạo của các ngành có một số môn học mà việc tổ chức giảng dạy và học tập không phải do Khoa quản lý ngành phụ trách mà do một Khoa khác chịu trách nhiệm. Điều đó cũng có nghĩa là trong các chương trình đào tạo có thể có một số môn học trùng tên nhau (Ví dụ như môn Tin học chuyên ngành 1 ở các ngành khác nhau), nhưng nội dung được xây dựng có nhiều phần khác nhau, nhằm phục vụ cho những đối

tượng khác (đương nhiên cũng có nhiều phần giống nhau). Việc xét tương đương môn học khi sinh viên chuyển ngành, chuyển khóa đào tạo sẽ do Khoa/Ban chuyên môn phụ trách ngành đề xuất.

- + Môn học trước, môn học song hành, môn học sau, môn học tiên quyết:
 - Việc sắp xếp các môn học trong mỗi học kỳ là nhằm hướng sinh viên theo học đúng trình tự đó. Điều này cũng nêu lên tính chất tiên quyết của các môn học.
 - Ví dụ: Một môn học X nào đó được tổ chức học tập tại học kỳ thứ (i), có nghĩa là ở các học kỳ trước đó (i – 1) đã phải tổ chức học tập một hay vài môn học nhằm chuẩn bị kiến thức cơ sở cho việc học môn X. Do đó phải tuân thủ tiến trình sắp xếp các môn học trong chương trình đào tạo. Và đôi khi, môn X có thể có tác dụng chuẩn bị để học môn Y sau đó ở học kỳ thứ (i + 1)
 - Cũng có một vài trường hợp đặc biệt, do không sắp xếp được, nên có khái niệm môn học song hành – môn học B là song hành với môn học A là môn học mà lẽ ra phải được học trước, ít ra với một số phần, so với môn A nhưng do những lý do bất khả kháng, phải bố trí cho sinh viên theo học đồng thời với môn học A.
 - Môn học tiên quyết----- Ký hiệu: [TQ]
 - Môn học trước----- Ký hiệu: [Tr]
 - Môn học song hành ----- Ký hiệu: [SH]
- + Quy ước về điểm số của môn học trước hay môn học tiên quyết:
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học trước lớn hơn 0,0 điểm (không điểm) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.
 - Sinh viên phải có điểm số của môn học tiên quyết hơn 5,0 điểm (năm điểm – điểm đạt) theo thang điểm 10,0 mới được đăng ký học môn học sau.

[4] **Ký hiệu liên quan đến môn học**

- + Môn học được thể hiện:
 - Mã số môn học: ----- [GS59001]
 - Tên môn học: ----- Tin học đại cương
 - Tín chỉ: ----- 2[2.0.4]
- + Có thể đọc và hiểu như sau:
 - Môn Tin học đại cương, 2 tín chỉ gồm khối lượng học tập trong 1 học kỳ như sau:
 - Mã số “GS5” thể hiện Khoa/Ban chuyên môn phụ trách giảng dạy môn học.
 - 2 x 15 tiết lý thuyết/bài tập trên lớp;
 - 0 x 30 tiết thí nghiệm/thực hành /thảo luận tại phòng thí nghiệm/xưởng thực hành/phòng chuyên đề/phòng học/phòng máy;
 - 4 x 15 giờ tự học, tự nghiên cứu ở nhà.

15. **Mô tả tóm tắt môn học:**

[1] **Kiến thức Giáo dục chuyên biệt**

- [MI03002] Giáo dục Quốc phòng - An ninh -----0[6.3.16]
- [GS99005] Giáo dục thể chất 1 ----- 0[0.2.3]
- + Phần lý thuyết: Một số vấn đề về quan điểm, đường lối, chủ trương của Đảng và nhà nước về công tác thể dục thể thao trong giai đoạn mới, mục đích, nhiệm vụ và yêu cầu của Giáo dục thể chất với sinh viên, các nguyên tắc và phương pháp tập luyện thể dục thể thao.
 - + Phần thực hành: Trang bị cho sinh viên những kỹ năng vận động, thể lực chung của môn điền kinh (chạy 5 phút tùy sức) và môn thể dục (bài tập thể dục phát triển chung 50 động tác).
- [GS99006] & [GS99007] Giáo dục thể chất 2 và 3 (Tự chọn bắt buộc) ----- 0[0.2.3]

- + Chọn 02 trong 05 nội dung sau:
- + Môn Aerobic:
 - Nhận thức được về sự ảnh hưởng của việc tập luyện thể dục thể thao đối với sức khỏe con người; vai trò của Giáo dục thể chất trong mục tiêu đào tạo con người phát triển toàn diện; cách phòng tránh chấn thương trong tập luyện và thi đấu; sơ lược lịch sử phát triển và tác dụng của các bài tập Aerobic đối với việc rèn luyện nhân cách và tăng cường sức khỏe cho người tập; hiểu biết một số điều luật cơ bản của môn Thể dục Aerobic. Thực hiện tốt bài Aerobic cơ bản mẫu, hiểu luật và có thể biên soạn được bài Aerobic.
- + Môn Bóng bàn cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng bàn, luật môn bóng bàn, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Bóng bàn (cách cầm vợt đứng trong bóng bàn, tư thế di chuyển đơn, kép, bước chéo. Tư thế chuẩn bị đánh bóng. Kỹ thuật lúp bóng thuận tay, đẩy bóng trái tay cơ bản, giao bóng thuận tay, trái tay (không xoáy) cơ bản, giao bóng thuận tay xoáy lên, giao bóng trái tay xoáy lên, các bài tập phát triển thể lực.
- + Bóng chuyền cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng chuyền, luật bóng chuyền, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, đệm bóng, chuyền bóng, phát bóng và đập bóng).
- + Bóng rổ cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn bóng rổ, luật bóng rổ, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện kỹ thuật cơ bản (tư thế chuẩn bị, cách di chuyển, tại chỗ ném rổ một tay trên vai, hai bước ném rổ một tay trên vai).
- + Cầu lông cơ bản:
 - Phần lý thuyết: Lịch sử ra đời môn Cầu lông, luật Cầu lông, phương pháp tổ chức thi đấu và công tác trọng tài.
 - Phần thực hành: Tập luyện nguyên lý kỹ thuật cơ bản môn Cầu lông (cách cầm vợt, tư thế di chuyển đơn bước, đa bước, giao cầu trái tay, giao cầu thuận tay, đánh cầu cao thuận tay (lốp cầu), đánh cầu thấp hai bên và phía trước (đánh cầu mạnh cuối sân), các bài tập phát triển thể lực.

[2] Kiến thức Giáo dục đại cương

Nhóm môn Khoa học tự nhiên

[BA13901] Toán ứng dụng trong kinh doanh----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức toán học ứng dụng trong kinh doanh, giúp họ hiểu và áp dụng công cụ toán học vào phân tích, ra quyết định và giải quyết các vấn đề kinh tế.
- + Nội dung: Cung cấp kiến thức toán học quan trọng, bao gồm hàm số, ma trận, đạo hàm, tích phân và ứng dụng của chúng trong kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách áp dụng toán học vào tối ưu hóa lợi nhuận, phân tích cung cầu và dự báo kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Phương trình, hàm số và đồ thị;
 - Đại số ma trận tuyến tính và ứng dụng;
 - Đạo hàm và ứng dụng trong kinh tế;
 - Tích phân bất định và tích phân xác định;
 - Hàm số nhiều biến và tối ưu hóa trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:

- Hiểu và vận dụng công cụ toán học vào phân tích kinh doanh và kinh tế.
- Áp dụng toán học vào bài toán tối ưu hóa trong quản trị tài chính và marketing.
- Phát triển tư duy logic, phân tích dữ liệu và ra quyết định kinh doanh dựa trên tính toán.

[BA19010] Tin học ứng dụng trong kinh doanh----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng, hỗ trợ việc quản lý và xử lý dữ liệu kinh doanh, giúp họ áp dụng công nghệ vào hoạt động kinh doanh hiện đại.
- + Nội dung: Sinh viên học sử dụng Microsoft Word, PowerPoint và Excel để soạn thảo văn bản, lập bảng tính và trình bày thông tin kinh doanh một cách chuyên nghiệp. Chi tiết các chương:
 - Soạn thảo và hiệu chỉnh văn bản bằng Microsoft Word;
 - Thiết kế và trình bày tài liệu trình chiếu với Microsoft PowerPoint;
 - Sử dụng Microsoft Excel để xử lý dữ liệu, lập bảng tính và phân tích số liệu;
 - Các công cụ phân tích dữ liệu nâng cao trong Excel;
 - Ứng dụng tin học trong quản lý kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Thành thạo kỹ năng sử dụng các công cụ Microsoft Office trong kinh doanh.
 - Biết cách xử lý và trình bày dữ liệu kinh doanh một cách chuyên nghiệp.
 - Áp dụng tin học phân tích tài chính, báo cáo và quản lý dữ liệu kinh doanh hiệu quả.

[BA19009] Thống kê trong kinh doanh----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các công cụ thống kê cơ bản để phân tích dữ liệu, hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh. Môn học giúp sinh viên hiểu cách thu thập, xử lý và diễn giải dữ liệu để đánh giá rủi ro và lập kế hoạch kinh doanh hiệu quả; giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích, hỗ trợ công tác quản lý và hoạch định chiến lược kinh doanh dựa trên dữ liệu thực tế.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ học cách sử dụng các phương pháp thống kê để phân tích dữ liệu thực tế trong kinh doanh, bao gồm:
 - Thống kê mô tả: Cách thu thập, tổ chức và trình bày dữ liệu.
 - Xác suất và phân phối xác suất: Các quy tắc tính xác suất, biến ngẫu nhiên và phân phối xác suất.
 - Lấy mẫu và ước lượng: Phương pháp lấy mẫu, ước lượng tham số, kiểm định giả thuyết.
 - Phân tích hồi quy: Mô hình hồi quy tuyến tính, mối quan hệ giữa các biến, dự báo xu hướng kinh doanh.
 - Ứng dụng phần mềm: Sử dụng Microsoft Excel để phân tích dữ liệu, vẽ đồ thị và thực hiện các phép tính thống kê.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các phương pháp thống kê trong phân tích dữ liệu kinh doanh.
 - Biết tính toán xác suất, kiểm định giả thuyết và phân tích mối quan hệ giữa các biến.
 - Thành thạo sử dụng Microsoft Excel xử lý dữ liệu và hỗ trợ ra quyết định kinh doanh.

[GS59003] Tin học đại cương và thực hành ----- 3[2.1.5]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về máy tính, hệ điều hành, Internet và kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng. Môn học giúp sinh viên áp dụng công nghệ vào việc xử lý dữ liệu và hỗ trợ công việc trong môi trường kinh doanh hiện đại. Môn học này cung cấp nền tảng tin học quan trọng, giúp sinh viên nâng cao hiệu suất làm việc và dễ dàng thích nghi với môi trường làm việc hiện đại.
- + Nội dung: Sinh viên sẽ được học cách sử dụng Windows 10, Internet, Microsoft Word, PowerPoint và Excel để phục vụ công việc và học tập. Các nội dung chính bao gồm:
 - Tổng quan về hệ điều hành Windows 10, quản lý tập tin, thư mục và cài đặt hệ thống.

- Sử dụng Internet để tìm kiếm thông tin, gửi email và khai thác tài nguyên trực tuyến.
 - Soạn thảo, định dạng và trình bày văn bản chuyên nghiệp bằng Microsoft Word.
 - Thiết kế và trình bày tài liệu trình chiếu chuyên nghiệp bằng Microsoft PowerPoint.
 - Lập bảng tính, xử lý dữ liệu, sử dụng hàm cơ bản và nâng cao trong Microsoft Excel.
 - Ứng dụng tin học vào công việc quản lý và phân tích dữ liệu trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
- Thành thạo kỹ năng sử dụng các phần mềm tin học văn phòng phổ biến.
 - Biết cách xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu một cách chuyên nghiệp.
 - Áp dụng tin học vào công tác quản lý, báo cáo và hỗ trợ ra quyết định trong kinh doanh.

Nhóm môn Khoa học xã hội

[GS19007] Tiếng Anh 1 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 1 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến con người, nơi chốn, các đồ vật trong gia đình, số đếm, số thứ tự, các thông tin cơ bản về một số quốc gia trên thế giới, thời gian rảnh, thức ăn, tiền tệ, phân biệt tiếng Anh của người Anh và tiếng Anh của người Mỹ.

[GS19008] Tiếng Anh 2 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 2 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ sơ cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp cơ bản nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp về các chủ đề liên quan đến du lịch, ngoại hình, phim ảnh, nghệ thuật, các lĩnh vực khoa học và công nghệ, ngành du lịch và môi trường trên trái đất.

[GS19009] Tiếng Anh 3 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 3 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến sức khỏe, những cuộc thi đấu, phương tiện giao thông, sự phiêu lưu, môi trường và những giai đoạn trong cuộc đời.

[GS19010] Tiếng Anh 4 ----- 2 [1.1.3]

- + Môn học Tiếng Anh 4 cung cấp kiến thức và các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết trong tiếng Anh ở trình độ trung cấp, giúp người học sử dụng được các từ ngữ và cấu trúc ngữ pháp nhằm đáp ứng nhu cầu giao tiếp và trình bày về các chủ đề liên quan đến công việc, công nghệ, ngày nghỉ, du lịch, sản phẩm, lịch sử và thiên nhiên.

[GS29001] Pháp luật Việt Nam đại cương ----- 3[2.1.6]

- + Cung cấp những khái niệm cơ bản về Nhà nước và Pháp luật; Vai trò và giá trị xã hội của Nhà nước và Pháp luật trong đời sống xã hội.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản về tổ chức Bộ máy nhà nước CHXHCNVN.
- + Cung cấp những nội dung cơ bản của các ngành luật: Luật Hiến pháp; Luật Hình sự, Luật Tố tụng hình sự; Luật Dân sự, Luật tố tụng Dân sự; Luật Lao động; Luật Hôn nhân gia đình; và khái quát các ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam.

[GS79005] Triết học Mác - Lênin ----- 3[3.0.6]

- + Triết học Mác - Lênin nghiên cứu quy luật chung nhất của tự nhiên, xã hội và tư duy.
- + Chương 1 trình bày những nét khái quát nhất về triết học, triết học Mác - Lênin và vai trò của triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội. Chương 2 trình bày những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, gồm vấn đề vật chất và ý thức; phép biện chứng duy vật; lý luận nhận thức của chủ nghĩa duy vật biện chứng. Chương 3 trình bày những nội dung cơ bản của

chủ nghĩa duy vật lịch sử, gồm vấn đề hình thái kinh tế - xã hội; giai cấp và dân tộc; nhà nước và cách mạng; ý thức xã hội; triết học về con người.

[GS79006] Kinh tế chính trị Mác - Lênin ----- 2[2.0.5]

- + Kinh tế chính trị học Mác - Lênin nghiên cứu những quy luật kinh tế của xã hội, đặc biệt là những quy luật kinh tế của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa. Vận dụng của Đảng ta vào việc xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; phát triển nền công nghiệp hóa, hiện đại hóa; vấn đề hội nhập kinh tế thế giới và lợi ích trong nền kinh tế.

[GS79007] Chủ nghĩa xã hội khoa học ----- 2[2.0.5]

- + Chủ nghĩa xã hội khoa học nghiên cứu làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.
- + Nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1, trình bày những vấn đề cơ bản có tính nhập môn của CNXHKKH (quá trình hình thành, phát triển của CNXHKKH); từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản của CNXHKKH nhằm làm sáng tỏ những quy luật khách quan của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

[GS79008] Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam ----- 3[3.0.6]

- + Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam là môn học mang tính tích cực tri thức từ các môn học khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh và một số môn học chuyên ngành khác. Nghĩa là, ngoài việc tiếp cận theo phương pháp lịch sử cần vận dụng tri thức của các môn học gắn với đặc thù của từng chuyên ngành đào tạo.
- + Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920 - 1930), quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945), lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975), lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.
- + Ngoài chương mở đầu, chương kết luận, nội dung gồm 3 chương:
 - Chương I: Đảng cộng sản Việt Nam ra đời và lãnh đạo đấu tranh giành chính quyền (1930 - 1945)
 - Chương II: Đảng lãnh đạo hai cuộc kháng chiến, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945 - 1975)
 - Chương III: Đảng lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975 - 2018)
 - Chương kết luận: Những thắng lợi lịch sử và một số bài học lớn.

[GS79009] Tư tưởng Hồ Chí Minh ----- 2[2.0.5]

- + Học phần Tư tưởng Hồ Chí Minh gồm 6 chương cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về: đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn tư tưởng Hồ Chí Minh; về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; về Đảng Cộng sản và nhà nước Việt Nam; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về văn hóa, đạo đức, con người.

[3] Kiến thức Giáo dục chuyên nghiệp

Nhóm môn Cơ sở ngành

[BA19001] Kinh tế vi mô ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về kinh tế vĩ mô, bao gồm cách thức hoạt động của thị trường, hành vi của người tiêu dùng và nhà sản xuất, cũng như vai trò của chính phủ trong nền kinh tế thị trường.
- + Nội dung: Giới thiệu các nguyên lý kinh tế vĩ mô và ứng dụng trong thực tế. Sinh viên học cách phân tích quan hệ cung - cầu, tối ưu hóa quyết định tiêu dùng và sản xuất, và tác động của chính sách kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kinh tế vĩ mô;
 - Cung - cầu và cân bằng thị trường;
 - Hành vi của người tiêu dùng;
 - Hành vi của doanh nghiệp và chi phí sản xuất;
 - Cấu trúc thị trường: cạnh tranh hoàn hảo, độc quyền, cạnh tranh không hoàn hảo;
 - Vai trò của chính phủ trong kinh tế thị trường.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và giải thích các khái niệm kinh tế vĩ mô quan trọng.
 - Ứng dụng quy luật cung - cầu và phân tích tác động của chính sách kinh tế.
 - Phát triển kỹ năng phân tích kinh tế và ra quyết định kinh doanh.

[BA19002] Kinh tế vĩ mô----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về kinh tế vĩ mô, giúp họ hiểu được cách thức vận hành của nền kinh tế quốc gia và tác động của chính sách kinh tế.
- + Nội dung: Phân tích tổng thể nền kinh tế, bao gồm các yếu tố như GDP, thất nghiệp, lạm phát, chính sách tiền tệ và tài khóa. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kinh tế vĩ mô;
 - Sản lượng và thu nhập quốc dân;
 - Chính sách tiền tệ và tài khóa;
 - Lạm phát và thất nghiệp;
 - Hội nhập kinh tế quốc tế.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các chỉ số kinh tế vĩ mô.
 - Đánh giá tác động của chính sách kinh tế lên nền kinh tế.
 - Ứng dụng kiến thức kinh tế vĩ mô vào phân tích kinh doanh, hoạch định chiến lược.

[BA49001] Quản trị học----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về các nguyên lý quản trị, giúp họ hiểu rõ vai trò của nhà quản trị và các chức năng cơ bản của quản trị trong doanh nghiệp.
- + Nội dung: Nghiên cứu các chức năng chính của quản trị gồm hoạch định, tổ chức, điều khiển và kiểm tra, cùng với các mô hình và công cụ quản trị hiệu quả. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị;
 - Môi trường quản trị và nhà quản trị;
 - Chức năng hoạch định và ra quyết định;
 - Chức năng tổ chức và quản lý nhân sự;
 - Chức năng điều hành và kiểm soát.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các khái niệm cơ bản về quản trị doanh nghiệp.
 - Áp dụng các chức năng quản trị vào hoạt động doanh nghiệp.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo và ra quyết định.

[BA39001] Nguyên lý kế toán----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về kế toán, giúp họ hiểu về hệ thống kế toán doanh nghiệp và nguyên tắc kế toán tài chính.
- + Nội dung: Cung cấp các nguyên lý kế toán, bao gồm hệ thống tài khoản, báo cáo tài chính và quy trình ghi sổ kế toán. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kế toán;
 - Hệ thống tài khoản kế toán;
 - Ghi sổ kế toán và báo cáo tài chính;
 - Kế toán chi phí và quản lý tài chính.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên tắc kế toán cơ bản.
 - Thực hiện ghi chép và lập báo cáo tài chính.
 - Ứng dụng kế toán vào quản lý doanh nghiệp.

[BA39002] Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về tài chính và tiền tệ, giúp họ hiểu được vai trò của hệ thống tài chính, ngân hàng trung ương, lãi suất và chính sách tiền tệ.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng lý thuyết về tài chính - tiền tệ, giúp hiểu rõ cơ chế vận hành của thị trường tài chính và tác động của các chính sách tài chính. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về tài chính và tiền tệ;
 - Hệ thống ngân hàng và chính sách tiền tệ;
 - Lãi suất và thị trường tài chính;
 - Ngân sách nhà nước và chính sách tài khóa;
 - Tín dụng và hệ thống thanh toán.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu được các nguyên lý tài chính - tiền tệ và vai trò của ngân hàng trung ương.
 - Phân tích tác động của chính sách tiền tệ và tài khóa đối với nền kinh tế.
 - Vận dụng kiến thức tài chính vào thực tiễn kinh doanh và đầu tư.

[BA43018] Khởi nghiệp ----- 3[1.2.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về khởi nghiệp, tư duy đổi mới sáng tạo và phương pháp lập kế hoạch kinh doanh. Sinh viên sẽ được học cách nhận diện cơ hội kinh doanh, xây dựng ý tưởng khởi nghiệp và thiết kế mô hình kinh doanh tinh gọn.
- + Nội dung: Cung cấp nền tảng về khởi nghiệp và phát triển doanh nghiệp mới, từ việc xác định ý tưởng kinh doanh đến triển khai thực tế. Sinh viên sẽ được hướng dẫn cách phân tích thị trường, thiết kế mô hình kinh doanh và vận dụng các kỹ năng mềm trong khởi nghiệp. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu tổng quan về khởi nghiệp;
 - Kiến tạo giá trị và tư duy khởi nghiệp;
 - Đổi mới sáng tạo và mô hình kinh doanh;
 - Nền kinh tế chia sẻ và cơ hội kinh doanh;
 - Lập kế hoạch kinh doanh và khởi nghiệp tinh gọn;
 - Khởi nghiệp xã hội và doanh nghiệp bền vững.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các yếu tố quan trọng trong khởi nghiệp, từ ý tưởng đến thực thi.
 - Phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh.
 - Ứng dụng các công cụ và mô hình kinh doanh vào thực tiễn khởi nghiệp.

[BA49004] Luật kinh tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về pháp luật kinh tế, giúp sinh viên hiểu và áp dụng quy định pháp lý vào hoạt động kinh doanh nhằm đảm bảo tính hợp pháp và giảm thiểu rủi ro pháp lý.
- + Nội dung: Tìm hiểu quy định pháp lý về doanh nghiệp, hợp đồng kinh doanh, cạnh tranh, bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng và giải quyết tranh chấp thương mại. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về luật kinh tế;
 - Pháp luật về doanh nghiệp và các loại hình doanh nghiệp;
 - Hợp đồng trong kinh doanh thương mại;
 - Luật cạnh tranh và bảo vệ người tiêu dùng;
 - Giải quyết tranh chấp trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ hệ thống pháp luật kinh tế và áp dụng vào thực tiễn kinh doanh.
 - Nhận diện và phòng tránh các rủi ro pháp lý trong kinh doanh.
 - Ứng dụng luật kinh tế để giải quyết tranh chấp và bảo vệ quyền lợi doanh nghiệp.

[BA09028] Kinh tế số ----- 2[1.1.4]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về nền kinh tế số, giúp sinh viên hiểu rõ sự chuyển đổi số trong kinh doanh và tác động của công nghệ đối với nền kinh tế.
- + Nội dung: Phân tích các khái niệm, mô hình và công cụ kinh tế số, cùng với ứng dụng của chúng trong kinh doanh và chính sách kinh tế. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về kinh tế số và chuyển đổi số;
 - Hệ sinh thái kinh tế số và thị trường số;
 - Công nghệ blockchain và tiền điện tử;
 - Dữ liệu lớn và trí tuệ nhân tạo trong kinh tế số;
 - Chính sách và quản lý kinh tế số.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích sự chuyển đổi số trong nền kinh tế hiện đại.
 - Ứng dụng công nghệ số vào hoạt động kinh doanh và quản lý.
 - Đánh giá tác động của kinh tế số đối với doanh nghiệp và xã hội.

[BA29001] Marketing căn bản----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức cơ bản về marketing, giúp họ hiểu các nguyên tắc và chiến lược marketing nhằm thu hút, giữ chân khách hàng và phát triển thương hiệu doanh nghiệp.
- + Nội dung: Giới thiệu các khái niệm và công cụ marketing, từ nghiên cứu thị trường đến xây dựng chiến lược marketing tổng thể. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về marketing;
 - Hành vi người tiêu dùng;
 - Nghiên cứu thị trường và phân khúc khách hàng;
 - Chiến lược sản phẩm và thương hiệu;
 - Chiến lược giá, phân phối và truyền thông marketing.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các nguyên tắc và chiến lược marketing.
 - Ứng dụng các công cụ marketing để xây dựng chiến lược kinh doanh hiệu quả.
 - Phát triển tư duy sáng tạo trong hoạt động marketing và quản lý thương hiệu.

[BA19004] Phương pháp nghiên cứu định lượng trong kinh doanh----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên các công cụ và phương pháp định lượng nhằm hỗ trợ việc ra quyết định trong kinh doanh, giúp sinh viên phát triển tư duy phân tích dữ liệu và ứng dụng trong các hoạt động quản lý.

- + Nội dung: Giới thiệu phương pháp toán học và thống kê ứng dụng trong kinh doanh, bao gồm phân tích dữ liệu, dự báo, tối ưu hóa và mô hình ra quyết định. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về phương pháp định lượng trong kinh doanh;
 - Phân tích dữ liệu mô tả và suy luận thống kê;
 - Phương pháp dự báo trong kinh doanh;
 - Quy hoạch tuyến tính và tối ưu hóa;
 - Mô hình ra quyết định và ứng dụng trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các phương pháp định lượng để hỗ trợ quyết định kinh doanh.
 - Phân tích dữ liệu và sử dụng công cụ định lượng để giải quyết vấn đề thực tế.
 - Tối ưu hóa các hoạt động quản lý và hoạch định chiến lược kinh doanh.

[BA09048] Tiếng Anh chuyên ngành 1 ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tiếng Anh trong giao dịch kinh doanh quốc tế, giúp họ nâng cao kỹ năng giao tiếp chuyên ngành, thích ứng với môi trường làm việc toàn cầu.
- + Nội dung: Môn học giúp sinh viên làm quen với các thuật ngữ, tình huống giao tiếp thường gặp trong kinh doanh quốc tế, bao gồm:
 - Giao tiếp qua điện thoại trong môi trường thương mại quốc tế.
 - Tổ chức và tham gia các cuộc họp kinh doanh bằng tiếng Anh.
 - Kết nối quan hệ đối tác quốc tế và thương lượng hợp đồng.
 - Quy trình đặt hàng và quản lý đơn hàng trong giao dịch quốc tế.
 - Lập kế hoạch và tổ chức triển lãm thương mại.
 - Chiến lược cạnh tranh trong kinh doanh quốc tế.
- + Kết quả dự kiến:
 - Nắm vững kiến thức và kỹ năng giao tiếp cơ bản trong môi trường kinh doanh quốc tế.
 - Ứng dụng tiếng Anh điện đàm, họp hành, thương lượng và tổ chức sự kiện thương mại.
 - Phát triển kỹ năng làm việc chuyên nghiệp, nâng cao sự tự tin trong giao tiếp kinh doanh.

[BA09049] Tiếng Anh chuyên ngành 2 ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức chuyên sâu hơn về tiếng Anh trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế, giúp sinh viên mở rộng vốn từ vựng và nâng cao khả năng giao tiếp, thuyết trình, viết báo cáo trong môi trường doanh nghiệp đa quốc gia.
- + Nội dung: Môn học tập trung vào chủ đề chuyên sâu trong kinh doanh quốc tế, bao gồm:
 - Khu vực kinh doanh và chiến lược mở rộng thị trường.
 - Quản lý dự án trong doanh nghiệp quốc tế.
 - Thị trường toàn cầu và các yếu tố tác động đến thương mại quốc tế.
 - Chiến lược xây dựng và phát triển thương hiệu quốc tế.
 - Quản lý logistics và chuỗi cung ứng trong kinh doanh toàn cầu.
 - Quảng cáo, truyền thông và văn hóa đa quốc gia trong kinh doanh.
- + Kết quả dự kiến:
 - Nâng cao vốn từ vựng và khả năng đọc hiểu, viết báo cáo, thuyết trình trong lĩnh vực kinh doanh quốc tế.
 - Có thể giao tiếp, thương lượng, xử lý tình huống kinh doanh bằng tiếng Anh.
 - Thích nghi nhanh với môi trường làm việc đa quốc gia và phát triển năng lực giao tiếp chuyên nghiệp.

Nhóm môn Chuyên ngành

[BA49008] Hành vi tổ chức ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về hành vi của cá nhân, nhóm và tổ chức trong môi trường doanh nghiệp. Giúp sinh viên hiểu và áp dụng các nguyên tắc tâm lý, xã hội và tổ chức vào quản lý nhân sự và vận hành doanh nghiệp hiệu quả.
- + Nội dung: Nghiên cứu cách thức con người hành xử trong tổ chức và tác động của các yếu tố như động lực, giao tiếp, lãnh đạo, xung đột đến hiệu suất làm việc. Cách xây dựng văn hóa tổ chức tích cực và quản lý sự thay đổi hiệu quả. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về hành vi tổ chức;
 - Hành vi cá nhân trong tổ chức;
 - Động viên và hiệu suất làm việc;
 - Hành vi nhóm và xung đột;
 - Phong cách lãnh đạo và ra quyết định;
 - Văn hóa tổ chức và quản trị sự thay đổi.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích yếu tố tác động đến hành vi cá nhân, nhóm và tổ chức, từ đó đánh giá ảnh hưởng của chúng đối với hiệu suất làm việc, sự gắn kết nhân viên và văn hóa tổ chức.
 - Ứng dụng mô hình động viên để thúc đẩy hiệu suất làm việc và tinh thần hợp tác nhóm.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết xung đột, lãnh đạo tổ chức hiệu quả.

[BA49015] Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp, giúp họ hiểu và áp dụng nguyên tắc đạo đức trong môi trường kinh doanh toàn cầu.
- + Nội dung: Tìm hiểu các nguyên tắc đạo đức trong kinh doanh, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và tác động của văn hóa doanh nghiệp đến hiệu suất kinh doanh. Sinh viên sẽ học cách ra quyết định đạo đức, xây dựng văn hóa doanh nghiệp tích cực và phát triển chiến lược kinh doanh bền vững. Chi tiết các chương:
 - Khái niệm đạo đức và đạo đức kinh doanh;
 - Quy trình ra quyết định đạo đức trong kinh doanh;
 - Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và phát triển bền vững;
 - Văn hóa doanh nghiệp và các yếu tố ảnh hưởng;
 - Tác động của văn hóa doanh nghiệp đến chiến lược kinh doanh;
 - Ứng xử văn hóa trong kinh doanh và đàm phán thương mại.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và phân tích các vấn đề đạo đức trong kinh doanh và văn hóa doanh nghiệp.
 - Ứng dụng kiến thức vào việc ra quyết định đạo đức và xây dựng chiến lược phát triển bền vững.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện trong môi trường kinh doanh quốc tế.

[BA09029] Sở hữu trí tuệ ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức pháp lý về sở hữu trí tuệ, giúp sinh viên hiểu cách bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và ứng dụng trong môi trường kinh doanh.
- + Nội dung: Tìm hiểu các quyền sở hữu trí tuệ và các phương thức bảo hộ như sáng chế, nhãn hiệu, bản quyền, kiểu dáng công nghiệp. Phân tích luật sở hữu trí tuệ tại Việt Nam và quốc tế, cũng như cách thức xử lý tranh chấp sở hữu trí tuệ. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về sở hữu trí tuệ;
 - Hệ thống pháp luật sở hữu trí tuệ;
 - Sáng chế và giải pháp hữu ích;
 - Kiểu dáng công nghiệp và nhãn hiệu;
 - Bản quyền và quyền liên quan;

- Chuyển giao công nghệ và thực thi quyền sở hữu trí tuệ.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ và cách bảo vệ tài sản trí tuệ của doanh nghiệp.
 - Ứng dụng kiến thức vào việc đăng ký bảo hộ nhãn hiệu, sáng chế, quyền tác giả.
 - Đánh giá và giải quyết tranh chấp sở hữu trí tuệ trong thực tiễn kinh doanh.

[BA09030] Marketing quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về chiến lược marketing quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ môi trường kinh doanh toàn cầu và cách thức tiếp cận thị trường quốc tế hiệu quả.
- + Nội dung: Xác định cơ hội và thách thức khi triển khai hoạt động marketing quốc tế. Phát triển chiến lược tiếp cận thị trường quốc tế thông qua các phương thức như xuất khẩu, nhượng quyền, liên doanh. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về marketing quốc tế;
 - Môi trường kinh doanh quốc tế;
 - Chiến lược sản phẩm quốc tế;
 - Chiến lược định giá và phân phối;
 - Quảng bá và truyền thông marketing toàn cầu;
 - Xu hướng mới trong marketing quốc tế.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và đánh giá được tác động của môi trường quốc tế đến hoạt động marketing.
 - Lập kế hoạch chiến lược marketing quốc tế phù hợp với từng thị trường.
 - Phân tích và ứng dụng chiến lược marketing quốc tế vào thực tiễn kinh doanh.

[BA09031] Quan hệ kinh tế quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về quan hệ kinh tế quốc tế, giúp sinh viên hiểu rõ sự ảnh hưởng của toàn cầu hóa và các yếu tố kinh tế - chính trị đối với hoạt động kinh doanh quốc tế.
- + Nội dung: Tìm hiểu về thương mại quốc tế, đầu tư trực tiếp nước ngoài, tỷ giá hối đoái, hội nhập kinh tế toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quan hệ kinh tế quốc tế;
 - Thương mại quốc tế và chính sách thương mại;
 - Đầu tư trực tiếp nước ngoài và hợp tác kinh tế;
 - Hệ thống tiền tệ quốc tế;
 - Các tổ chức kinh tế quốc tế và khu vực.
- + Kết quả dự kiến:
 - Phân tích các yếu tố tác động đến thương mại quốc tế và đầu tư nước ngoài.
 - Ứng dụng kiến thức vào đánh giá cơ hội và rủi ro trong kinh doanh quốc tế.
 - Hiểu và áp dụng chính sách hội nhập kinh tế vào chiến lược kinh doanh doanh nghiệp.

[BA09034] Kinh doanh quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức nền tảng về hoạt động kinh doanh quốc tế, bao gồm môi trường kinh doanh toàn cầu, chiến lược thâm nhập thị trường và quản lý doanh nghiệp đa quốc gia.
- + Nội dung: Nghiên cứu xu hướng toàn cầu hóa, môi trường kinh doanh quốc tế và các chiến lược kinh doanh toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về kinh doanh quốc tế;
 - Toàn cầu hóa và tác động đến kinh doanh quốc tế;
 - Môi trường chính trị, kinh tế và văn hóa trong kinh doanh quốc tế;
 - Các chiến lược thâm nhập thị trường quốc tế;
 - Quản lý chuỗi cung ứng toàn cầu;

- Đánh giá rủi ro và cơ hội trong kinh doanh quốc tế.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ xu hướng phát triển toàn cầu hóa và môi trường kinh doanh quốc tế.
 - Ứng dụng kiến thức để đánh giá cơ hội và thách thức trong kinh doanh quốc tế.
 - Xây dựng chiến lược kinh doanh phù hợp với thị trường toàn cầu.
- [BA09035] Tài chính và thanh toán quốc tế----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về tài chính quốc tế và các phương thức thanh toán trong giao dịch thương mại toàn cầu, giúp sinh viên hiểu và quản lý rủi ro tài chính quốc tế.
 - + Nội dung: Nghiên cứu về thị trường tài chính quốc tế, tỷ giá hối đoái và các công cụ thanh toán trong thương mại toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về tài chính quốc tế;
 - Tỷ giá hối đoái và thị trường ngoại hối;
 - Hệ thống tài chính toàn cầu;
 - Các phương thức thanh toán quốc tế;
 - Chứng từ và hợp đồng trong thanh toán quốc tế;
 - Quản lý rủi ro tài chính trong kinh doanh quốc tế.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các công cụ tài chính và phương thức thanh toán trong giao dịch quốc tế.
 - Phân tích và đánh giá rủi ro tài chính trong hoạt động kinh doanh toàn cầu.
 - Ứng dụng các phương thức thanh toán an toàn và hiệu quả.
- [BA09036] Quản trị nguồn nhân lực----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý nhân sự, bao gồm tuyển dụng, đào tạo, phát triển và duy trì nguồn nhân lực trong tổ chức.
 - + Nội dung: Nghiên cứu các nguyên tắc quản trị nhân sự, hoạch định nguồn nhân lực và phát triển chiến lược nhân sự phù hợp. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị nguồn nhân lực;
 - Hoạch định và tuyển dụng nhân sự;
 - Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực;
 - Đánh giá thành tích và quản lý hiệu suất;
 - Hệ thống lương thưởng và đãi ngộ nhân viên;
 - Chiến lược nhân sự trong môi trường toàn cầu.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và áp dụng các chiến lược quản trị nguồn nhân lực vào thực tiễn.
 - Phát triển kỹ năng tuyển dụng, đào tạo và giữ chân nhân tài.
 - Xây dựng chính sách nhân sự hiệu quả trong tổ chức.
- [BA09037] Quản trị dự án đầu tư quốc tế----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý dự án trong môi trường kinh doanh quốc tế, giúp sinh viên hiểu cách lập kế hoạch, triển khai và kiểm soát dự án đầu tư hiệu quả.
 - + Nội dung: Nghiên cứu các phương pháp đánh giá và lựa chọn dự án, lập kế hoạch ngân sách, quản lý tiến độ, phân bổ nguồn lực và kiểm soát dự án. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị dự án;
 - Đánh giá và lựa chọn dự án đầu tư;
 - Cơ cấu tổ chức và quản lý dự án;
 - Lập kế hoạch và quản lý tiến độ dự án;
 - Quản lý tài chính và rủi ro trong dự án;
 - Kiểm soát và đánh giá hiệu quả dự án.

- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và vận dụng các phương pháp quản trị dự án vào thực tiễn.
 - Lập kế hoạch, tổ chức, triển khai và kiểm soát dự án một cách hiệu quả.
 - Phát triển kỹ năng làm việc nhóm, ra quyết định, tư duy chiến lược trong quản lý dự án.
- [BA09040] Kiến tập chuyên ngành Kinh doanh quốc tế ----- 2[0.2.2]
- + Mục tiêu: Tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận thực tế tại các doanh nghiệp, giúp sinh viên áp dụng kiến thức lý thuyết vào môi trường làm việc thực tế.
 - + Nội dung: Sinh viên tham gia thực tế tại doanh nghiệp, tìm hiểu hoạt động kinh doanh quốc tế và phát triển các kỹ năng chuyên môn. Chi tiết các chương:
 - Giới thiệu về chương trình kiến tập;
 - Quan sát và tìm hiểu môi trường kinh doanh quốc tế;
 - Ứng dụng kiến thức vào phân tích hoạt động doanh nghiệp;
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm;
 - Báo cáo tổng kết kiến tập.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Áp dụng kiến thức vào thực tiễn kinh doanh quốc tế.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm và tư duy phản biện.
 - Hiểu yêu cầu thực tế của doanh nghiệp và điều chỉnh kế hoạch nghề nghiệp phù hợp.
- [BA09043] Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu ----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức và kỹ năng về quản lý chuỗi cung ứng trong môi trường toàn cầu, giúp sinh viên hiểu và tối ưu hóa hoạt động logistics và chuỗi cung ứng quốc tế.
 - + Nội dung: Tìm hiểu cách lập kế hoạch, quản lý kho bãi, vận tải, đóng gói và phân phối hàng hóa trong chuỗi cung ứng toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về chuỗi cung ứng toàn cầu;
 - Mô hình quản trị chuỗi cung ứng hiện đại;
 - Quản lý logistics trong chuỗi cung ứng quốc tế;
 - Hoạch định nguồn lực và tối ưu hóa vận chuyển;
 - Quản lý rủi ro và phát triển chuỗi cung ứng bền vững.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu và vận dụng các mô hình quản trị chuỗi cung ứng vào thực tế.
 - Phân tích, đánh giá và tối ưu hóa các hoạt động logistics trong kinh doanh quốc tế.
 - Xây dựng chiến lược chuỗi cung ứng phù hợp với xu hướng toàn cầu.
- [BA09044] Quản trị xuất nhập khẩu ----- 3[2.1.6]
- + Mục tiêu: Cung cấp kiến thức về hoạt động xuất nhập khẩu, giúp sinh viên hiểu và thực hiện các giao dịch ngoại thương một cách hiệu quả.
 - + Nội dung: Tìm hiểu về điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms), hợp đồng ngoại thương, phương thức thanh toán và quản lý rủi ro trong xuất nhập khẩu. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị xuất nhập khẩu;
 - Các phương thức giao dịch quốc tế;
 - Hợp đồng ngoại thương và chứng từ xuất nhập khẩu;
 - Các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms);
 - Phương thức thanh toán trong xuất nhập khẩu;
 - Quản lý rủi ro trong kinh doanh xuất nhập khẩu.
 - + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ quy trình và các yếu tố liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu.
 - Biết xây dựng hợp đồng ngoại thương, lựa chọn phương thức thanh toán phù hợp.

- Nhận diện và kiểm soát rủi ro trong các giao dịch xuất nhập khẩu.

[BA09045] Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị kiến thức về quản lý rủi ro trong kinh doanh quốc tế, giúp sinh viên hiểu và áp dụng các phương pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro hiệu quả.
- + Nội dung: Nghiên cứu các loại rủi ro trong kinh doanh quốc tế và các biện pháp quản trị rủi ro chiến lược, hoạt động và tài chính. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế;
 - Nhận diện và phân loại rủi ro doanh nghiệp;
 - Rủi ro tài chính và biện pháp phòng ngừa;
 - Rủi ro pháp lý và tuân thủ quy định quốc tế;
 - Xây dựng kế hoạch quản trị rủi ro cho doanh nghiệp.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu rõ các loại rủi ro trong kinh doanh quốc tế và cách thức quản lý chúng.
 - Xây dựng chiến lược quản trị rủi ro phù hợp với từng loại hình doanh nghiệp.
 - Áp dụng các biện pháp phòng ngừa và kiểm soát rủi ro hiệu quả.

[BA09046] Quản trị đa văn hóa ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng về quản trị trong môi trường đa văn hóa, giúp họ hiểu và thích nghi với sự khác biệt văn hóa trong môi trường kinh doanh quốc tế.
- + Nội dung: Nghiên cứu các yếu tố văn hóa ảnh hưởng đến quản trị doanh nghiệp, bao gồm giao tiếp, đàm phán, phong cách lãnh đạo và văn hóa tổ chức. Sinh viên học cách áp dụng các nguyên tắc quản trị đa văn hóa để phát triển chiến lược kinh doanh phù hợp với từng nền văn hóa. Chi tiết các chương:
 - Tổng quan về quản trị đa văn hóa;
 - Văn hóa doanh nghiệp và văn hóa quốc gia;
 - Phong cách lãnh đạo qua các nền văn hóa;
 - Giao tiếp và đàm phán trong môi trường đa văn hóa;
 - Động lực làm việc trong các nền văn hóa khác nhau.
- + Kết quả dự kiến:
 - Hiểu sự khác biệt văn hóa và ảnh hưởng của nó đến hoạt động kinh doanh và quản lý.
 - Ứng dụng kiến thức về quản trị đa văn hóa để điều chỉnh phong cách lãnh đạo và chiến lược kinh doanh.
 - Phát triển kỹ năng giao tiếp, đàm phán, làm việc nhóm trong môi trường đa văn hóa.

[BA09047] Quản trị chiến lược toàn cầu ----- 3[2.1.6]

- + Mục tiêu: Trang bị cho sinh viên kiến thức về quản trị chiến lược trong môi trường toàn cầu, giúp họ hiểu cách xây dựng, triển khai và kiểm soát chiến lược kinh doanh quốc tế để đạt được lợi thế cạnh tranh bền vững.
- + Nội dung: Phân tích môi trường kinh doanh quốc tế, công cụ chiến lược và phương pháp tiếp cận để tối ưu hóa hoạt động kinh doanh toàn cầu. Sinh viên học cách đánh giá rủi ro và cơ hội để xây dựng chiến lược phù hợp cho doanh nghiệp toàn cầu. Chi tiết các chương:
 - Bối cảnh toàn cầu hóa và tác động đến doanh nghiệp;
 - Thiết kế chiến lược toàn cầu và đánh giá cơ hội thị trường;
 - Các chiến lược xâm nhập và phát triển thị trường quốc tế;
 - Quản lý chiến lược toàn cầu: marketing, tài chính, nhân lực và đổi mới sáng tạo;
 - Sáp nhập, mua lại và liên minh chiến lược.
- + Kết quả dự kiến:

- Hiểu được các nguyên tắc quản trị chiến lược và cách chúng được áp dụng trong kinh doanh quốc tế.
- Xây dựng và triển khai chiến lược kinh doanh toàn cầu để tối ưu hóa lợi thế cạnh tranh.
- Phân tích và đánh giá rủi ro, cơ hội trong môi trường kinh doanh quốc tế.

[BA09052] Môn học tự chọn 1_KDQT----- 2[1.1.4]

[BA09053] Môn học tự chọn 2_KDQT----- 3[2.1.6]

[BA09054] Môn học tự chọn 3_KDQT----- 3[2.1.6]

Nhóm môn tốt nghiệp

[BA03151] Thực tập tốt nghiệp----- 3[0.3.3]

[BA03152] Bài thi tốt nghiệp [chọn hình thức]----- 6[0.6.6]

Danh sách môn học tự chọn

Nhóm môn Chuyên ngành

[BA09032] Lãnh đạo và quản trị sự thay đổi----- 2[1.1.4]

[BA09033] Phát triển nghề nghiệp----- 2[1.1.4]

[BA09038] Giao tiếp và đàm phán quốc tế----- 3[2.1.6]

[BA09039] Pháp luật kinh doanh quốc tế----- 3[2.1.6]

[BA09041] Hệ thống thuế và bảo hiểm trong kinh doanh ----- 3[2.1.6]

[BA09042] Nghiệp vụ hải quan ----- 3[2.1.6]

Nhóm môn tốt nghiệp

[BA03153] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp ----- 6[0.6.6]

[BA13159] TT_BTTN_Thương mại điện tử----- 3[2.1.6]

[BA23158] TT_BTTN_Marketing kỹ thuật số ----- 3[2.1.6]

16. Chương trình đào tạo được cập nhật và thông qua:

Xây dựng và thẩm định lần 01 ----- Tháng 04/2025

Hiệu chỉnh lần 02 (cập nhật Quy chế Quản lý đào tạo) ----- Tháng 09/2025

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 09 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

HIỆU TRƯỞNG

TS. Ngô Thị Thu

PGS. TS. Cao Hào Thi

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC		MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN BẮT BUỘC HOẶC TƯ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ										PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NEU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
							MÔ TẢ TÊN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TT/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	T/TT/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN		HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																										QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THE CUỐI KỲ		
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
01	HK1	BA13902	Toán ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	60	90	[LT]	[BA01]	
02	HK1	GS19007	Tiếng Anh 1	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
03	HK1	GS29001	Pháp luật Việt Nam đại cương	[2]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	10	40	50	TN	TN	60	60	[LT]	[GS02]	
04	HK1	GS79005	Triết học Mác - Lênin	[2]	BB	3[3.0.6]	3	3	0	0	0	0	0	0	6	45	45	0	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
05	HK1	BA19001	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA01]	
06	HK1	BA49001	Quản trị học	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN+TL	45	60	[LT]	[BA04]	
07	HK2	GS93005	Giáo dục thể chất 1	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
08	HK2	BA19009	Thông kê trong kinh doanh	[1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TL	TL	90	90	[LT]	[BA01]	
09	HK2	GS19008	Tiếng Anh 2	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
10	HK2	GS79006	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
11	HK2	BA19002	Kinh tế vi mô	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA01]	
12	HK2	BA39001	Nguyên lý kế toán	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TL	TL	60	75	[LT]	[BA03]	
13	HK2	BA39002	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN	TN	60	60	[LT]	[BA03]	
14	HK3	GS93006	Giáo dục thể chất 2 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
15	HK3	BA19010	Tin học ứng dụng trong kinh doanh	[1]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TH	TH	60	60	[PM]	[BA01]	
16	HK3	GS19009	Tiếng Anh 3	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	75	[NN]	[GS01]	
17	HK3	GS79007	Chủ nghĩa xã hội khoa học	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
18	HK3	BA19004	Phương pháp định lượng trong kinh doanh	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	25	25	50	TN+TL	TN+TL	75	75	[LT]	[BA01]	
19	HK3	BA29001	Marketing căn bản	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	30	50	TN+TL	TN+TL	60	70	[LT]	[BA02]	
20	HK3	BA43018	Khởi nghiệp	[3]	BB	3[1.2.6]	3	1	2	0	0	0	0	0	6	45	15	30	0	0	0	0	0	90	10	30	60	VD+BC	VD+BC	10-15	20-25	[LT]	[BA04]	
21	HK3	BA49004	Luật kinh tế	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TN	60	60	[LT]	[BA04]	
22	HK4	MI03002	Giáo dục Quốc phòng - An ninh	[0.1]	BB	0[6.3.16]	0	6	1	0	2	0	0	0	16	165	90	15	0	60	0	0	0	240	0	0	0	0	0	0	0	0	[MI00]	
23	HK4	GS93007	Giáo dục thể chất 3 (tự chọn)	[0.2]	BB	0[0.2.3]	0	0	1	0	1	0	0	0	3	45	0	15	0	30	0	0	0	45	30	0	70	0	0	0	0	[SA]	[GS09]	
24	HK4	GS19010	Tiếng Anh 4	[2]	BB	2[1.1.3]	2	1	0	1	0	0	0	0	3	45	15	0	30	0	0	0	0	45	10	20	70	VD	TN	15	120	[NN]	[GS01]	
25	HK4	GS79008	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
26	HK4	BA09030	Marketing quốc tế	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA00]	
27	HK4	BA09031	Quan hệ kinh tế quốc tế	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	BC	60	0	[LT]	[BA00]	
28	HK4	BA09038	Giao tiếp và đàm phán quốc tế	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TL	60	60	[LT]	[BA00]	
29	HK4	BA09052	Môn học tự chọn 1_KDQT	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]	
30	HK4	BA49015	Đạo đức và văn hóa trong kinh doanh	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	60	[LT]	[BA04]	
31	HK5	GS79009	Tư tưởng Hồ Chí Minh	[2]	BB	2[2.0.4]	2	2	0	0	0	0	0	0	4	30	30	0	0	0	0	0	0	60	20	30	50	TL	TL	45	60	[LT]	[GS07]	
32	HK5	BA09048	Tiếng Anh chuyên ngành 1	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	BC	60	30	[LT]	[BA00]	
33	HK5	BA09040	Kiến tập chuyên ngành KDQT	[4.1]	BB	2[0.2.2]	2	0	0	0	0	2	0	0	2	90	0	0	0	0	90	0	0	30	40	0	60	0	BC	0	0	[NT]	[BA00]	
34	HK5	BA09044	Quản trị xuất nhập khẩu	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	20	20	60	TN	TN	45	60	[LT]	[BA00]	
35	HK5	BA09029	Sơ hữu trí tuệ	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	70	[LT]	[BA00]	
36	HK5	BA09034	Kinh doanh quốc tế	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	BC	60	0	[LT]	[BA00]	
37	HK5	BA09036	Quản trị nguồn nhân lực	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN/TL	TL	40-60	60	[LT]	[BA00]	
38	HK5	BA09053	Môn học tự chọn 2_KDQT	[4]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	0	0	0	0	0	0	0	0	0	[BA00]
39	HK5	BA49008	Hành vi tổ chức	[4]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA04]	
40	HK6	BA09049	Tiếng Anh chuyên ngành 2	[3]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	BC	60	30	[LT]	[BA00]	
41	HK6	BA09043	Quản trị chuỗi cung ứng toàn cầu	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75	[LT]	[BA00]	
42	HK6	BA09045	Quản trị rủi ro trong kinh doanh quốc tế	[4.1]	BB	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TL	TL	60	60	[LT]	[BA00]	
43																																		

STT	HỌC KỲ	MSMH	TÊN MÔN HỌC	MÔN HỌC THUỘC KHỐI KIẾN THỨC	MÔN HỌC BẮT BUỘC HOẶC TỰ CHỌN	PHÂN BỐ SỐ TÍN CHỈ											PHÂN BỐ SỐ TIẾT										PHƯƠNG THỨC ĐÁNH GIÁ ĐIỂM THÀNH PHẦN, KIỂM TRA, THI						YÊU CẦU CHI TIẾT TRIỂN KHAI MÔN HỌC (NEU CÓ) phòng học hay địa điểm học	TỔ BỘ MÔN THUỘC KHOA BAN CHUYÊN MÔN
						MÔ TẢ TÍN CHỈ	TỔNG TÍN CHỈ	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	TỔNG TIẾT	LÝ THUYẾT	BÀI TẬP	THẢO LUẬN	TỰ/TN/TH	ĐỒ ÁN/BTL	LUẬN ÁN	TỐT NGHIỆP	TỰ HỌC	% ĐIỂM THÀNH PHẦN			HÌNH THỨC K/TRA - THI		THỜI GIAN K/TRA - THI				
																									QUÁ TRÌNH	GIỮA KỲ	CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ	K/TRA GIỮA KỲ	THI CUỐI KỲ			
01	02	03	04	05	06	07	08	09	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	
11	HK7	BA09037	TT_BTIN_Quản trị dự án đầu tư quốc tế	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	60	75-90	[LT]	[BA00]
12	HK7	BA13159	TT_BTIN_Thương mại điện tử	[5.5]	TC	3[2.1.6]	3	2	1	0	0	0	0	0	6	45	30	15	0	0	0	0	0	0	90	30	20	50	TN+TL	TN+TL	45	60	[LT]	[BA01]

- QUY ƯỚC KÝ HIỆU:**
CỘT [05] KHỐI KIẾN THỨC
[0] Kiến thức giáo dục chuyên biệt
[0.1] Giáo dục quốc phòng - an ninh
[0.2] Giáo dục thể chất
Kiến thức giáo dục đại cương
[1] Khoa học tự nhiên
[2] Khoa học xã hội nhân văn
Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp
[3] Cơ sở ngành
[4] Chuyên ngành
[5] Nhóm môn bài thi tốt nghiệp
[5.1] Thực tập tốt nghiệp
[5.2] Bài thi tốt nghiệp - tự chọn
[5.3] Đồ án/Khóa luận tốt nghiệp
[5.4] Thi tốt nghiệp

- CỘT [06] MÔN HỌC BẮT BUỘC, TỰ CHỌN**
BB Môn học bắt buộc
TC Môn học tự chọn
TN Nhóm môn tốt nghiệp - bắt buộc.
Sinh viên chọn hình thức thực hiện
CỘT [29] & [30] HÌNH THỨC KIỂM TRA, THI
[VD] Thi vấn đáp
[TN] Thi trắc nghiệm
[TL] Thi tự luận
[TH] Thi thực hành
[BC] Nộp báo cáo / Báo cáo / Tiểu luận
[LA] Luận án / Bảo vệ Luận án
[DA] Nộp đồ án / Bảo vệ đồ án môn học
[CH] Thi trắc nghiệm và tự luận